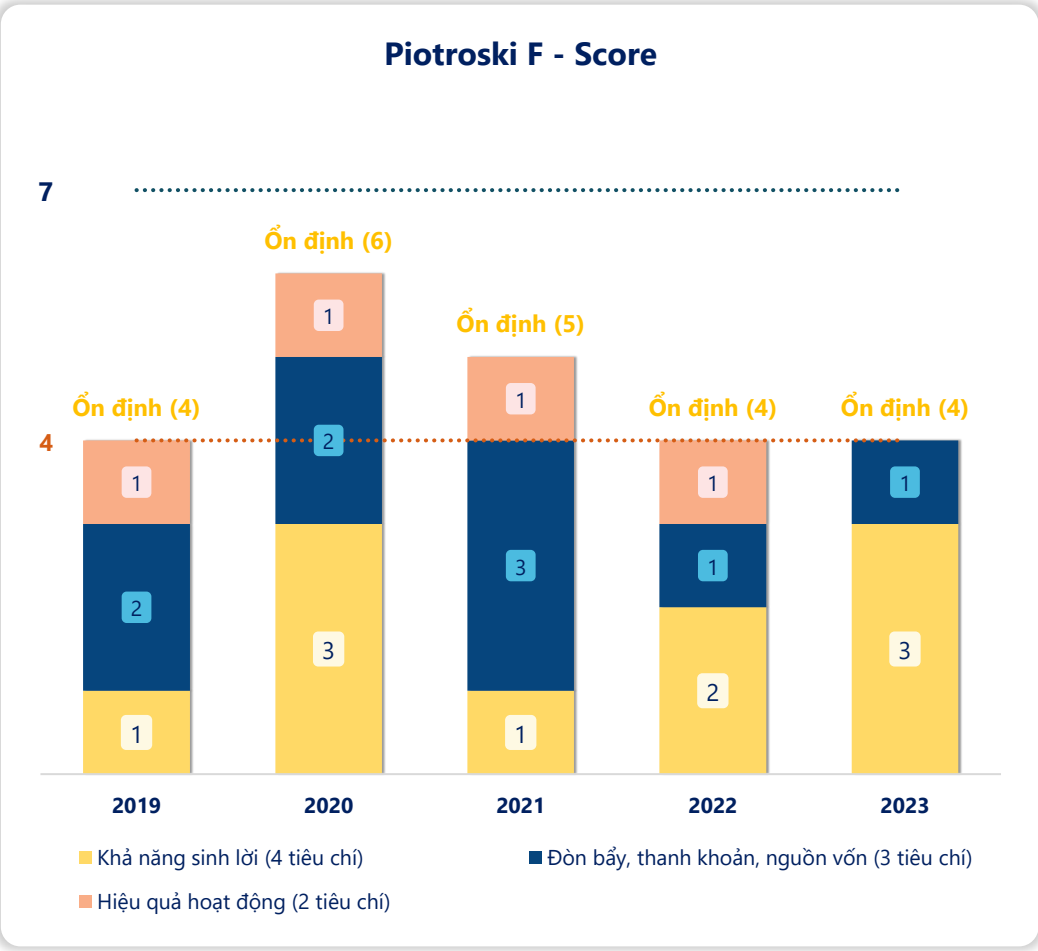
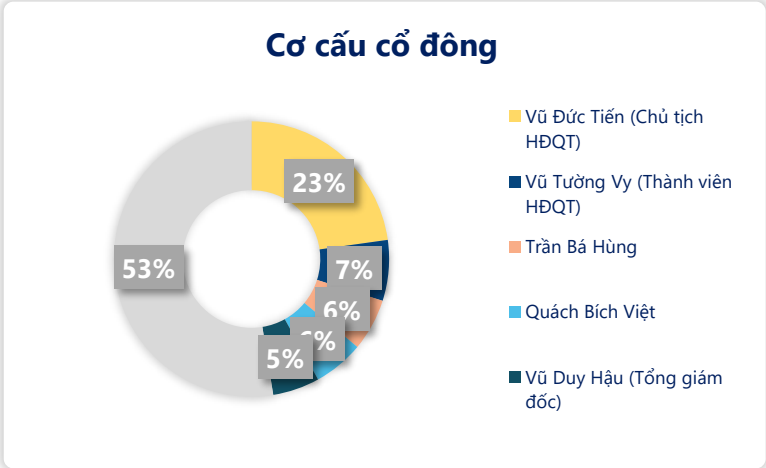
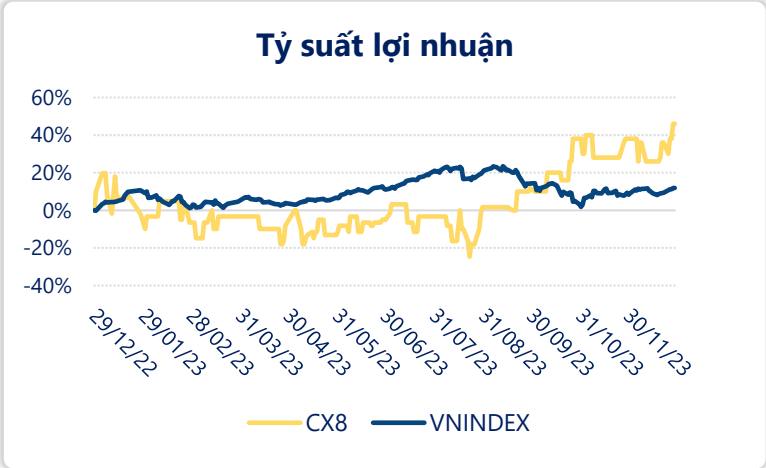


CTCP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (HNX: CX8)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	7,300 VNĐ			Sức mạnh tài chính	4/9	2023	YoY ▼ 4.60 ▼ 4.9%	2023	YoY ▼ 0.15 ▼ 32.5%
29/12/2023				Piotroski F - Score		DT thuần		LN sau thuế	
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng	2023	(Ổn định)	88.0		0.32	
	5.8%	30.7%	41.4%			tỷ VNĐ		tỷ VNĐ	

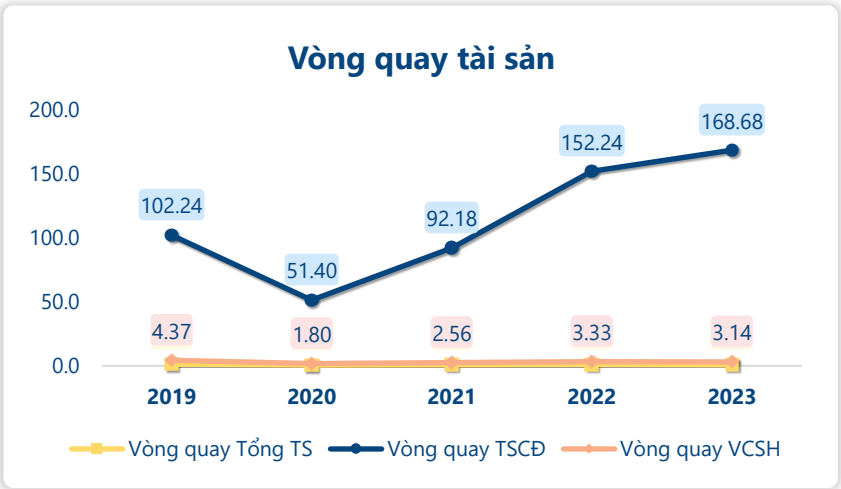
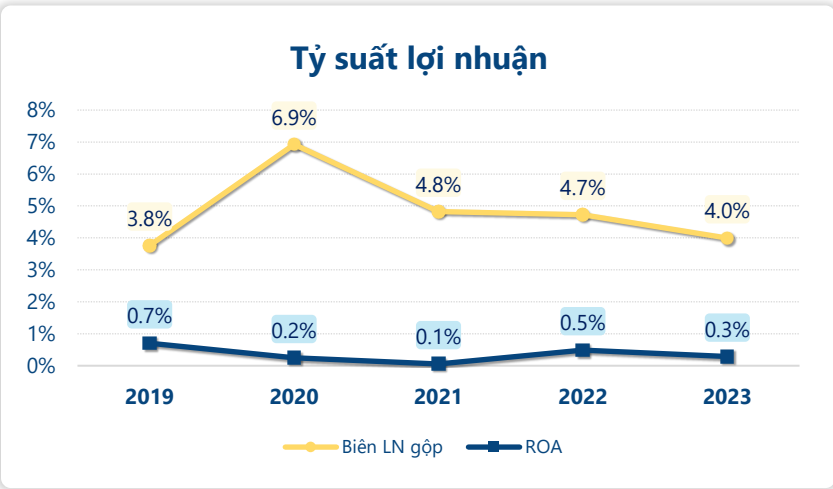
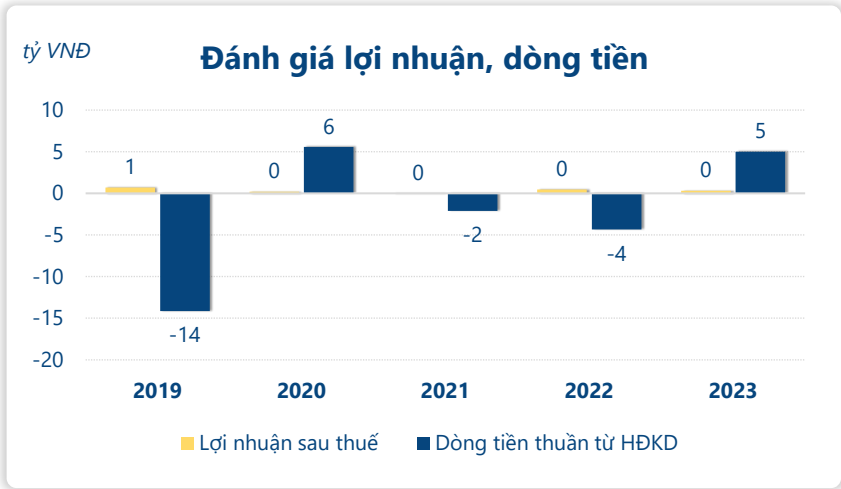


Năm 2023, F-Score của CX8 đạt 4/9 không đổi so với năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá thuộc vùng "ổn định".

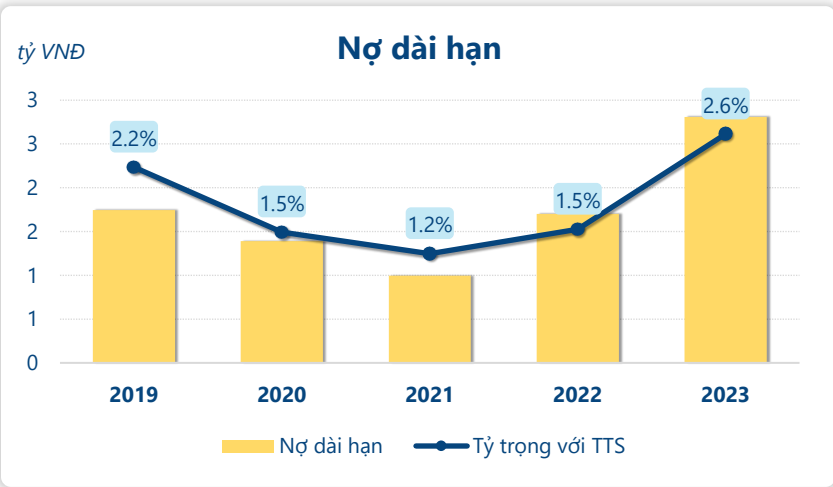
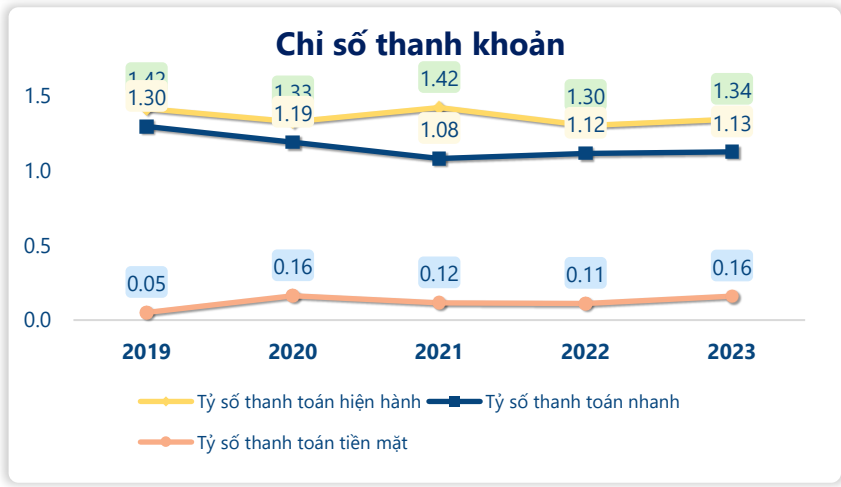
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện tăng lên 3/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không thay đổi vẫn ở mức 1/3 điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, không đạt điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (HNX: CX8)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của CX8: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	183	111	64.0%
Tài sản ngắn hạn	177	106	66.7%
Tiền và tương đương tiền	12.4	9.13	35.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	157	80.3	95.2%
Hàng tồn kho	6.66	15.2	-56.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.50	1.71	-12.2%
Tài sản dài hạn	5.37	5.05	6.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.49	0.55	-10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	0	
Tài sản dài hạn khác	3.87	4.50	-13.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	155	83.3	85.6%
Nợ ngắn hạn	152	81.6	86.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.7	18.4	-9.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.17	0.44	-62.2%
Nợ dài hạn	2.66	1.70	56.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	27.9	28.1	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	27.9	28.1	-0.4%
Vốn điều lệ	26.7	22.1	21.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	121	49.6	70.5	92.6	88.0
Giá vốn hàng bán	117	46.2	67.1	88.2	84.5
Lợi nhuận gộp	4.56	3.43	3.40	4.38	3.51
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	0.01	0.01	0.26
Chi phí TC	0	0.07	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0.07	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.26	2.96	3.17	3.60	3.19
LN thuần từ HĐKD	1.31	0.41	0.24	0.78	0.59
Lợi nhuận khác	-0.35	-0.15	-0.16	-0.16	-0.16
LN trước thuế	0.95	0.27	0.08	0.63	0.44
Lợi nhuận sau thuế	0.69	0.21	0.05	0.47	0.32
LNST của CĐ cty mẹ	0.69	0.21	0.05	0.47	0.32

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.1	5.57	-2.11	-4.32	4.99
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.01	0.01	0.01	0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.88	2.36	-2.40	7.53	-1.93
Tiền đầu kỳ	8.72	2.47	10.4	5.92	9.13
Lưu chuyển tiền thuần	-6.24	7.94	-4.49	3.22	3.22
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.47	10.4	5.92	9.13	12.4